

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT.

Ngày: 05 - 4 - 2022.

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh L: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2022/QĐ-PT ngày 04/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 60/2022/QĐ-PT ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 765 N, phường L, thành phố B, tỉnh L. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C:

Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm: 1966; địa chỉ: Số 109 L, Phường 1, thành phố B, tỉnh L. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2022.

2- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 61 D, Phường 1, thành phố B, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Bùi Công T, sinh năm: 1995; địa chỉ: A107 (CCA3) khối A3 chung cư N, Phường 6, thành phố Đ. Có mặt. Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2021.

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1971; địa chỉ: Hẻm 14 T, phường L, thành phố B, tỉnh L. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Ngày 02/5/2018, bà C có cho bà Phạm Thị Ngọc A vay số tiền 300.000.000 đồng, hẹn sau 12 tháng sẽ trả, nhưng bà A không thực hiện cam kết. Do vậy, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và 86.400.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng hai khoản gốc và lãi là 386.400.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C là bà Nguyễn Thị Xuân L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 86.400.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn bà A trả cho bà C số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A trình bày:

Bà A thừa nhận có nợ bà C số tiền là 300.000.000 đồng nhưng bà A cho rằng số nợ trên thì chị gái của bà là bà Phạm Thị Ngọc L đã trả cho nguyên đơn bà C rồi nên bà A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Bà là chị ruột của bà A, việc vay nợ giữa bà A và bà C như thế nào thì bà không biết. Bà L cũng thừa nhận bà A có nợ bà C số tiền 300.000.000 đồng là đúng. Bà A có trách nhiệm trả cho bà C, còn bà L không liên quan. Giữa bà L và bà Phạm Thị Hồng N có quan hệ là chỗ quen biết, chị em thường hay vay tiền của nhau để làm ăn; bà A không nhờ bà L trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng thông qua bà Nhung; bà L thừa nhận bà chỉ trả cho bà Nhung số tiền 300.000.000 đồng chứ không phải trả cho bà C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn bà C đối với số tiền lãi là 86.400.000 đồng.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/11/2021, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A (do ông Bùi Công T là người đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C (do bà Nguyễn Thị Xuân L là người đại diện theo ủy quyền) vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt với nội dung nguyên đơn bà C không kháng cáo, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng tiền nợ gốc và 86.400.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng hai khoản là 386.400.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C là bà Lạc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 86.400.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn bà A trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Còn bị đơn bà A thừa nhận có nợ bà C số tiền 300.000.000 đồng nhưng bà A cho rằng số nợ trên thì chị gái của bà là bà L đã trả cho nguyên đơn bà C rồi nên bà A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C.

Vì vậy, các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà A:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C là bà Lạc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 86.400.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà C là tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với khoản tiền lãi nêu trên là có căn cứ.

[2.1]. Theo giấy mượn tiền đề ngày 02/5/2018 (bút lục số 4) thể hiện nội dung: Bà Phạm Thị Ngọc A có vay của bà C số tiền 300.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, việc vay mượn tiền này cũng được bà A thừa nhận. Do vậy, có căn cứ xác định bà A có vay của bà C số tiền 300.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế.

[2.2]. Bà A cho rằng chị của bà A là bà L đã trả hết khoản nợ trên cho bà C nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh và bà C cũng không thừa nhận lời trình bày này của bà A nên không có cơ sở xem xét. Trong khi đó, lúc thì bà L trình bày bà A có nợ bà C số tiền 300.000.000 đồng là đúng.

Ngoài ra, theo đơn kháng cáo bà A cho rằng thực tế số tiền 300.000.000 đồng là bà vay của bà Nhung nhưng bà Nhung ép bà phải viết giấy vay ghi tên bà C và số tiền 300.000.000 đồng thì bà đã trả cho bà Nhung thông qua chị của bà là bà L và đã được bà L thừa nhận. Tuy nhiên, bà A lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của bà A nên không có căn cứ để xem xét.

[3]. Bà Nhung thừa nhận bà có nhận của bà L số tiền 300.000.000 đồng nên giữa bà L và bà Nhung có quan hệ vay mượn tiền với nhau nhưng không liên quan đến việc thanh toán số nợ của bà C, đây là giao dịch dân sự khác; do vậy, trường hợp bà Nhung và bà L có tranh chấp về số tiền 300.000.000 đồng mà bà Nhung nhận của bà L thì bà Nhung, bà L có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4]. Đối với USB mà bà A cung cấp và theo bà A thì trong USB có chứa đoạn ghi âm với nội dung bà C xác nhận không liên quan đến việc vay mượn tiền mà ghi giấy mượn tiền theo yêu cầu của bà Nhung. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà A vắng mặt còn người đại diện theo ủy quyền của bà A là ông Tài thì không đề cập đến nội dung ghi âm này và cũng không yêu cầu giám định nên không có căn cứ để xem xét.

[5]. Với những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C để buộc bà A có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà A không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B:

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với số tiền lãi là 86.400.000 đồng (tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc A về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc A có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí mà bà C đã tạm nộp là theo biên lai thu số 0019080 ngày 07/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

mà bà A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0004702 ngày 07/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố B (02);
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người tham gia tố tụng (05);
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân